Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

| CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 342/2026/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2026* |

# NGHỊ ĐỊNH
## Quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;*

*Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết Điều 22 Luật Thương mại và Điều 5 Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hàng hóa là các loại động sản thuộc phạm vi cam kết của Việt Nam về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn và quyền phân phối bán lẻ trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Hoạt động mua bán hàng hóa bao gồm:

a) Thực hiện quyền xuất khẩu;

b) Thực hiện quyền nhập khẩu;

c) Thực hiện quyền phân phối.

3. Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa bao gồm:

a) Cung cấp dịch vụ giám định thương mại;

b) Cung cấp dịch vụ logistics;

c) Cho thuê hàng hóa, không bao gồm: cho thuê tài chính, cho thuê trang thiết bị xây dựng có người vận hành;

d) Cung cấp dịch vụ xúc tiến thương mại, không bao gồm dịch vụ quảng cáo;

đ) Cung cấp dịch vụ trung gian thương mại, không bao gồm hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ hàng hóa;

e) Quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại tích hợp.

g) Cung cấp dịch vụ tổ chức đấu thầu hàng hóa, dịch vụ.

4. Quyền xuất khẩu là quyền mua hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm quyền đứng tên trên tờ khai hàng hóa xuất khẩu để thực hiện và chịu trách nhiệm về các thủ tục liên quan đến xuất khẩu. Quyền xuất khẩu không bao gồm quyền mua hàng hóa từ các đối tượng không phải là thương nhân để xuất khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

5. Quyền nhập khẩu là quyền được nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào Việt Nam để bán cho thương nhân có quyền phân phối hàng hóa đó tại Việt Nam, bao gồm quyền đứng tên trên tờ khai hàng hóa nhập khẩu để thực hiện và chịu trách nhiệm về các thủ tục liên quan đến nhập khẩu. Quyền nhập khẩu không bao gồm quyền tổ chức hoặc tham gia hệ thống phân phối hàng hóa tại

Việt Nam, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

6. Phân phối là các hoạt động bán buôn, bán lẻ, đại lý bán hàng hóa và nhượng quyền thương mại trong lĩnh vực phân phối.

7. Quyền phân phối là quyền thực hiện trực tiếp các hoạt động phân phối.

8. Bán buôn là hoạt động bán hàng hóa cho thương nhân bán buôn, thương nhân bán lẻ và thương nhân, tổ chức khác, có bao gồm đại lý bán buôn nhưng không bao gồm hoạt động bán lẻ.

9. Bán lẻ là hoạt động bán hàng hóa cho cá nhân, hộ gia đình, tổ chức khác để sử dụng vào mục đích tiêu dùng, có bao gồm đại lý bán lẻ.

10. Cơ sở bán lẻ là địa điểm thực hiện hoạt động bán lẻ, không bao gồm máy bán hàng tự động, phương tiện bán hàng lưu động.

11. Cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất là cơ sở bán lẻ được lập ở Việt Nam bởi một trong những nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có cơ sở bán lẻ ở Việt Nam, hoặc được lập bởi một trong những nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài dưới cùng nhãn hiệu, tên thương mại với ít nhất một cơ sở bán lẻ đã được cấp phép và đang hoạt động tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

12. Loại hình cơ sở bán lẻ bao gồm:

a) Cửa hàng tiện lợi là cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng dưới 300 $m^2$, bán lẻ các hàng hóa tiêu dùng nhanh, bao gồm thực phẩm chế biến sẵn, đồ uống và hàng tiêu dùng thông dụng, phục vụ tiêu dùng nhanh tại chỗ hoặc mang đi;

b) Siêu thị mini là cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng không quá 500 $m^2$, bán lẻ các hàng hóa: thực phẩm, đồ uống, hàng tiêu dùng và các hàng hóa khác;

c) Siêu thị là cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng trên 500 $m^2$, bán lẻ các hàng hóa: thực phẩm, đồ uống, hàng tiêu dùng và các hàng hóa khác;

d) Trung tâm thương mại là địa điểm bao gồm nhiều cơ sở bán lẻ và cơ sở cung cấp dịch vụ được bố trí tập trung, liên hoàn trong một hoặc một số công trình kiến trúc liền kề, đã được cấp phép theo quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng.

13. Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ là diện tích khu vực thực hiện hoạt động trưng bày, lưu trữ, bán lẻ hàng hóa và các hoạt động bổ trợ trực tiếp cho hoạt động bán lẻ hàng hóa.

14. Tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ bao gồm các tài liệu chứng minh tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có quyền khai thác, sử dụng địa điểm đó để lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật; và các tài liệu chứng minh địa điểm đó đáp ứng đủ điều kiện làm cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật về quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.

15. Cơ sở dữ liệu là Cơ sở dữ liệu về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

16. Cơ quan cấp Giấy phép là cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định này.

**Điều 4. Áp dụng điều ước quốc tế và pháp luật có liên quan**

1. Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này; trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định này còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5. Cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Giấy phép kinh doanh được cấp cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các hoạt động sau:

a) Thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa, không bao gồm hàng hóa quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này;

b) Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn hàng hóa quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này;

c) Thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này;

d) Cung cấp dịch vụ logistics; trừ các phân ngành dịch vụ logistics mà Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

đ) Cho thuê hàng hóa, không bao gồm cho thuê tài chính; trừ cho thuê trang thiết bị xây dựng có người vận hành;

e) Cung cấp dịch vụ xúc tiến thương mại, không bao gồm dịch vụ quảng cáo;

g) Cung cấp dịch vụ trung gian thương mại;

h) Quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại tích hợp;

i) Cung cấp dịch vụ tổ chức đấu thầu hàng hóa, dịch vụ.

2. Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được cấp cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để lập cơ sở bán lẻ.

3. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có quyền đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ sau khi có Giấy phép kinh doanh và tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ.

4. Trường hợp địa điểm lập cơ sở bán lẻ thứ nhất cùng tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương với trụ sở chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có quyền đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất. Hồ sơ, trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.

5. Tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Đầu tư phải đáp ứng điều kiện và thực hiện: thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh khi thực hiện các hoạt động phải cấp Giấy phép kinh doanh; thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ khi lập cơ sở bán lẻ, theo quy định tại Nghị định này.

6. Tổ chức kinh tế có cơ sở bán lẻ tại Việt Nam, sau khi nhận vốn góp trở thành tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Đầu tư phải làm thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

a) Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp này thực hiện theo quy định tại Điều 11 và 12 Nghị định này.

b) Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định này.

c) Trong quá trình thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động, tổ chức kinh tế đã nhận phần vốn góp, cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài được tiếp tục thực hiện hoạt động bán lẻ tại các cơ sở bán lẻ đang hoạt động cho đến khi được cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại Nghị định này, nhưng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày trên giấy tờ pháp lý, văn bản xác nhận của

cơ quan có thẩm quyền về việc nhà đầu tư nước ngoài đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp, theo quy định pháp luật về đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 6. Các trường hợp không phải cấp Giấy phép kinh doanh**

1. Ngoài các hoạt động thuộc trường hợp phải cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định này, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Đầu tư được quyền thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này sau khi đăng ký thực hiện các hoạt động đó tại các văn bản được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường, đăng ký thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi cấp, thay đổi đăng ký thực hiện các hoạt động đó tại các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp.

**Điều 7. Thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa**

1. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có quyền xuất khẩu, được xuất khẩu ra nước ngoài và khu vực hải quan riêng các hàng hóa: Hàng hóa mua tại Việt Nam; hàng hóa do tổ chức kinh tế đó đặt gia công tại Việt Nam và hàng hóa nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam, theo các điều kiện sau:

a) Hàng hóa xuất khẩu không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền xuất khẩu trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép, theo điều kiện, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải có giấy phép hoặc đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có quyền nhập khẩu, được nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài và khu vực hải quan riêng vào Việt Nam, theo các điều kiện sau:

a) Hàng hóa nhập khẩu không thuộc danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền nhập khẩu trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục hàng hóa nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải có giấy phép hoặc đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý xuất nhập khẩu.

4. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã có quyền phân phối bán buôn, quyền phân phối bán lẻ, được bán buôn, bán lẻ hàng hóa sản xuất, gia công tại Việt Nam và hàng hóa nhập khẩu hợp pháp vào Việt Nam.

5. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính thực hiện việc: cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ thực hiện việc: cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

3. Cơ quan cấp Giấy phép lấy ý kiến của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng về vấn đề an ninh quốc gia trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp quy định tại khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 9;

b) Nhà đầu tư nước ngoài chi phối tổ chức kinh tế là chủ quản nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại điện tử tích hợp là nền tảng số lớn theo quy định pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng và thương mại điện tử.

c) Nhà đầu tư nước ngoài đề nghị:

Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động cho: 100 cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng của mỗi cơ sở dưới 500 $m^2$ và/hoặc 50 cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng của mỗi cơ sở từ 500 $m^2$ đến dưới 3.000 $m^2$ và/hoặc 30 cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng của mỗi cơ sở từ 3.000 $m^2$ trở lên, tại Việt Nam;

Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ mới khi đang sở hữu hoặc tham gia sở hữu từ 100 cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng của mỗi cơ sở dưới 500 $m^2$ và/hoặc 50 cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng của mỗi cơ sở từ 500 $m^2$ đến dưới 3.000 $m^2$

và/hoặc 30 cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng của mỗi cơ sở từ 3.000 $m^2$ trở lên, tại Việt Nam.

## Chương II
## GIẤY PHÉP KINH DOANH

### Điều 9. Điều kiện, tiêu chí và căn cứ cấp Giấy phép kinh doanh

1. Nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước, vùng lãnh thổ đó là thành viên và được nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn áp dụng theo quy định pháp luật về đầu tư. Nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện này trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định tại Nghị định này tại Việt Nam;

b) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ.

2. Nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí sau:

a) Các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Các tiêu chí sau:

Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành liên quan;

Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động trong thời gian 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

3. Trường hợp dịch vụ kinh doanh chưa được cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:

a) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này;

b) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp hàng hóa kinh doanh chưa được cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (dầu bôi trơn, mỡ bôi

trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ; gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí):

a) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chí quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này và điểm c, d khoản này, theo các hàng hóa tương ứng;

b) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này và điểm c, d khoản này, theo các hàng hóa tương ứng;

c) Đối với hàng hóa là dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ, Cơ quan cấp Giấy phép xem xét cấp phép thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đáp ứng một trong điều kiện sau:

Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án sản xuất dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ tại Việt Nam;

Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án sản xuất hoặc đã được phép phân phối tại Việt Nam máy móc, thiết bị, hàng hóa có sử dụng dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ.

d) Đối với hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm đã ghi hình; sách, báo và tạp chí, Cơ quan cấp Giấy phép xem xét cấp phép thực hiện quyền phân phối bán lẻ cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ dưới hình thức cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị để bán lẻ tại các cơ sở bán lẻ đó.

5. Cơ quan cấp Giấy phép xem xét việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chí và căn cứ các nội dung sau để quyết định cấp Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều này:

a) Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 và 4 Điều này:

Sự phù hợp với chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của địa phương, vùng, quốc gia;

Tiến trình đàm phán và mở cửa thị trường của Việt Nam.

b) Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này:

Nội dung quy định tại điểm a khoản này;

Quan hệ ngoại giao, vấn đề an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

**Điều 10. Nội dung Giấy phép kinh doanh, thời hạn kinh doanh**

1. Nội dung Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này):

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật;

b) Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập và nơi đăng ký thành lập, quốc tịch;

c) Hoạt động mua bán hàng hóa;

d) Hàng hóa kinh doanh;

đ) Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;

e) Các nội dung khác do Cơ quan cấp Giấy phép quy định tại Giấy phép kinh doanh (nếu có).

2. Thời hạn kinh doanh

a) Thời hạn kinh doanh đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này tương ứng với thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (nếu có), theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;

b) Thời hạn kinh doanh đối với trường hợp quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 9 Nghị định này là 05 năm;

c) Thời hạn kinh doanh cấp lại bằng thời hạn còn lại của thời hạn kinh doanh đã được cấp.

**Điều 11. Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh**

Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Bản giải trình có nội dung:

a) Giải trình về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh tương ứng theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Đối với các trường hợp quy định tại điểm c, d khoản 4 Điều 9 Nghị định này, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giải trình việc đáp ứng điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh thông qua việc nộp bản sao các tài liệu tương ứng theo quy định tại khoản 5, 6 Điều này;

b) Kế hoạch kinh doanh trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Mô tả nội dung, phương thức thực hiện hoạt động kinh doanh; trình bày kế hoạch kinh

doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh;

c) Tình hình kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính tới thời điểm đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh, trong trường hợp cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại khoản 5 và 6 Điều 5 Nghị định này.

3. Tài liệu chứng minh tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không còn nợ thuế quá hạn do cơ quan thuế xác nhận vào thời điểm không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy phép.

4. Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) hoặc giấy tờ có giá trị tương đương theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp (trong trường hợp không có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án).

5. Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án sản xuất dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ tại Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án sản xuất hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chứng minh tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được phép phân phối bán buôn tại Việt Nam máy móc, thiết bị, hàng hóa có sử dụng dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ, đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

6. Bản sao: Giấy phép lập cơ sở bán lẻ dưới hình thức cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị.

7. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3, 4, 5 và 6 Điều này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 12. Trình tự cấp Giấy phép kinh doanh**

1. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí, căn cứ tương ứng quy định tại Điều 9 Nghị định này.

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện:

Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh cho các trường hợp quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định này; trường hợp từ chối cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng đối với các trường hợp quy định tại điểm a và b khoản 3 Điều 8 Nghị định này (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

4. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản trả lời của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

a) Trường hợp hai Bộ trên có văn bản chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép kinh doanh;

b) Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

6. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**Điều 13. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh**

Giấy phép kinh doanh được điều chỉnh khi có thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.

**Điều 14. Hồ sơ điều chỉnh Giấy phép kinh doanh**

Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định này (trừ trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở chính quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này) và trường hợp thay đổi chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập đến từ nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh.

3. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 10 Nghị định này và trường hợp thay đổi chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập đến từ nước, vùng lãnh thổ không tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 11 Nghị định này.

4. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này và các tài liệu quy định tại khoản 3 và 4 Điều 11 theo quy định tại khoản 3 Điều này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 15. Trình tự điều chỉnh Giấy phép kinh doanh**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 10 Nghị định này, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

2. Trường hợp điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật; chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập đến từ nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh; trường hợp từ chối cấp phép, phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp điều chỉnh chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập đến từ nước, vùng lãnh thổ không tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và điều chỉnh các nội dung khác: Trình tự điều chỉnh Giấy phép kinh doanh thực hiện như trình tự cấp Giấy phép kinh doanh quy định tại Điều 12 áp dụng cho trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy phép kinh doanh đã được điều chỉnh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó cho Cơ quan cấp Giấy phép.

5. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**Điều 16. Cấp lại Giấy phép kinh doanh**

Giấy phép kinh doanh được cấp lại trong các trường hợp sau:

1. Chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương khác.

2. Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hỏng.

**Điều 17. Hồ sơ cấp lại Giấy phép kinh doanh**

Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này.

3. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp tài liệu quy định

tại khoản 2 Điều này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 18. Trình tự cấp lại Giấy phép kinh doanh**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung điều chỉnh trong trường hợp cấp lại quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép kinh doanh, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép kinh doanh cho trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này, sao gửi 01 bản Giấy phép kinh doanh cho Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được cấp lại Giấy phép kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này có trách nhiệm hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó cho Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi.

5. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh và Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**Điều 19. Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Tài liệu quy định tại Điều 11 và khoản 2 và 5 Điều 25 Nghị định này;

c) Bản sao các tài liệu sau:

Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500 $m^2$: Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ;

Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 500 $m^2$ trở lên: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ.

d) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp tài liệu quy định tại khoản 3 và 4 Điều 11 và điểm c khoản 1 Điều này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

2. Trình tự cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thực hiện theo quy định tương ứng tại Điều 12, Điều 26 và Điều 27 Nghị định này.

**Điều 20. Từ chối cấp Giấy phép kinh doanh**

Cơ quan cấp Giấy phép từ chối cấp Giấy phép kinh doanh trong các trường hợp sau:

1. Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không đáp ứng điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

2. Thời hạn hoạt động của dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đã hết.

3. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bị thu hồi Giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này.

## Chương III
## GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ

**Điều 21. Điều kiện, tiêu chí và căn cứ cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài lập cơ sở bán lẻ thứ nhất:

a) Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ;

b) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật về quản lý đất đai, quy hoạch, đầu tư, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường để lập cơ sở bán lẻ tại khu vực thị trường địa lý liên quan.

2. Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất:

a) Trường hợp không phải thực hiện kiểm tra nhu cầu kinh tế:

Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp phải thực hiện kiểm tra nhu cầu kinh tế:

Đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này;

Đáp ứng tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này.

3. Cơ quan cấp Giấy phép xem xét việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 và 2 Điều này và căn cứ vào nội dung sau để quyết định cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ:

a) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa: Sự phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của địa phương, vùng, quốc gia;

b) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:

Sự phù hợp với kế hoạch, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực của địa phương, vùng, quốc gia;

Tiến trình đàm phán mở cửa thị trường của Việt Nam;

Nhu cầu mở cửa thị trường của Việt Nam;

Quan hệ ngoại giao, vấn đề an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

**Điều 22. Kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)**

1. Trường hợp phải thực hiện ENT:

Nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ không tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong đó có cam kết về việc bãi bỏ ENT, lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất, trừ trường hợp cơ sở bán lẻ đó có diện tích dưới 500 $m^2$, được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị.

2. Tiêu chí ENT:

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 5.000 $m^2$: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp xã/phường hoặc tương đương.

Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 5.000 $m^2$ trở lên: khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng được xem xét ở cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

b) Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường, hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống đang hoạt động trong khu vực thị trường địa lý; nhu cầu của khu vực thị trường địa lý và khả năng đáp ứng của cơ sở bán lẻ dự kiến lập mới để khẳng định sự cần thiết mở cơ sở bán lẻ đó.

c) Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý chịu ảnh hưởng, cụ thể:

Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý;

Cải thiện điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý.

d) Sự phù hợp của cơ sở bán lẻ đối với yêu cầu đảm bảo: an ninh, trật tự, an toàn xã hội của khu vực thị trường địa lý; an ninh biên giới, hải đảo, khu quân sự.

**Điều 23. Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế (Hội đồng ENT)**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi lập cơ sở bán lẻ thành lập Hội đồng ENT và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng ENT.

2. Hội đồng ENT bao gồm nhưng không giới hạn ở các thành viên sau: Đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc đại diện cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền làm Chủ tịch Hội đồng ENT; đại diện Sở Công Thương, Sở Tài chính, Công an cấp tỉnh và các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan làm thành viên hội đồng ENT. Trường hợp địa điểm lập cơ sở bán lẻ có vị trí tại khu vực địa lý cấp xã, phường hoặc tương đương tiếp giáp với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác thì Hội đồng ENT phải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố hoặc đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố tiếp giáp.

3. Chủ tịch Hội đồng ENT ban hành văn bản kết luận của Hội đồng ENT đề xuất cho phép hoặc không cho phép lập cơ sở bán lẻ, trong đó nêu rõ ý kiến

đánh giá về sự phù hợp hoặc không phù hợp của địa điểm lập cơ sở bán lẻ với các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này.

**Điều 24. Nội dung, thời hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Nội dung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này):

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;

b) Tên, nhãn hiệu, tên thương mại (nếu có) gắn với cơ sở bán lẻ, số thứ tự, địa chỉ của địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

c) Loại hình cơ sở bán lẻ;

d) Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ;

đ) Hàng hóa phân phối bán lẻ;

e) Thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ;

g) Thời hạn kinh doanh hàng hóa quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này (nếu có);

h) Các nội dung khác do Cơ quan cấp Giấy phép quy định tại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (nếu có).

2. Thời hạn kinh doanh hàng hóa quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ: 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn kinh doanh mặt hàng tương ứng trên Giấy phép kinh doanh.

3. Thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ:

a) Giấy phép lập cơ sở bán lẻ có thời hạn tương ứng với thời hạn còn lại trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ hoặc thời hạn thuê địa điểm lập cơ sở bán lẻ ghi trong tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ, tùy theo thời hạn nào ngắn hơn;

b) Thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được cấp lại bằng thời hạn còn lại của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp;

c) Thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được gia hạn thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

**Điều 25. Hồ sơ cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Bản giải trình có nội dung:

a) Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định này; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

b) Kế hoạch kinh doanh tại cơ sở bán lẻ trong 05 năm kể từ năm nộp hồ sơ: Trình bày kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh trong thời gian 05 năm;

3. Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn, trong đó, thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép.

4. Bản sao các tài liệu sau:

a) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích dưới 500 $m^2$: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ;

b) Đối với cơ sở bán lẻ có diện tích từ 500 $m^2$ trở lên: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ.

5. Bản giải trình các tiêu chí ENT quy định tại các điểm b và c khoản 2 Điều 22 Nghị định này, trong trường hợp phải thực hiện ENT.

6. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại khoản 3 và 4 Điều này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 26. Trình tự cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ không thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục ENT**

1. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

3. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này:

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện và không thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này, Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ;

c) Trường hợp đáp ứng điều kiện và thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

4. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối, văn bản trả lời phải nêu rõ lý do từ chối (Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

5. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

a) Trường hợp các Bộ trên chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ;

b) Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

6. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**Điều 27. Trình tự cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thuộc trường hợp phải thực hiện ENT**

1. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 và 2 Điều 21 Nghị định này:

a) Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

b) Trường hợp đáp ứng điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, đối với các trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Hội đồng ENT đánh giá các tiêu chí ENT quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này để Chủ tịch Hội đồng ENT có văn bản kết luận đề xuất cấp phép hoặc không cấp phép lập cơ sở bán lẻ trên cơ sở Báo cáo bằng văn bản đánh giá việc đáp ứng các tiêu chí ENT của Hội đồng ENT.

5. Trường hợp không thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

6. Trường hợp thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định này, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng và văn bản kết luận đề xuất của Chủ tịch Hội đồng ENT:

a) Trường hợp hai Bộ và Chủ tịch Hội đồng ENT đều chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ;

b) Trường hợp một trong các bộ, người có thẩm quyền trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

7. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**Điều 28. Điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được điều chỉnh khi có thay đổi một trong các nội dung sau:

1. Thay đổi nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và h khoản 1 Điều 24 Nghị định này.

2. Thay đổi địa điểm của cơ sở bán lẻ có diện tích bán hàng ở địa điểm mới dưới 500 $m^2$, trong cùng một trung tâm thương mại với điều kiện trung tâm thương mại không thay đổi quy mô, diện tích so với lần cấp/điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ gần nhất trước đó.

**Điều 29. Hồ sơ điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Trường hợp thay đổi nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều 24 Nghị định này, trừ trường hợp thay đổi loại hình cơ sở bán lẻ thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị theo quy định tại khoản 4 Điều này; trường hợp điều chỉnh giảm diện tích cơ sở bán lẻ, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Trường hợp thay đổi địa chỉ của địa điểm lập cơ sở bán lẻ và/hoặc thay đổi địa điểm của cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định này: Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp xã/phường hoặc tương đương hoặc của Bên cho thuê địa điểm xác nhận việc thay đổi địa chỉ, địa điểm tương ứng;

c) Trường hợp giảm diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: Các giấy tờ có liên quan đến việc giảm diện tích cơ sở bán lẻ.

2. Trường hợp tăng diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất, được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị đến mức không quá 500 $m^2$, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản giải trình có nội dung:

Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ của địa điểm lập cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;

c) Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn trong đó thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ đến Cơ quan cấp Giấy phép.

3. Trường hợp tăng diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại, hồ sơ gồm:

a) Các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định này.

4. Trường hợp khác về tăng diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trong năm gần nhất;

c) Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Điều 25 Nghị định này.

5. Tổ chức kinh tế chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại điểm b và c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều này và khoản 3 Điều 25 Nghị định này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 30. Trình tự điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có tài liệu hợp pháp ghi nhận nội dung điều chỉnh quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 24 Nghị định này, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 29 Nghị định này:

a) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng);

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp quy định tại khoản 3 và 4 Điều 29 Nghị định này: Trình tự thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được điều chỉnh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm hoàn trả Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp trước đó cho Cơ quan cấp Giấy phép.

5. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**Điều 31. Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được cấp lại trong trường hợp bị mất hoặc bị hỏng.

**Điều 32. Hồ sơ cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

**Điều 33. Trình tự cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu

tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**Điều 34. Hồ sơ gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

Hồ sơ gồm:

1. Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 25 Nghị định này.

3. Tổ chức kinh tế chỉ phải nộp tài liệu quy định tại khoản 3 và 4 Điều 25 Nghị định này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

**Điều 35. Trình tự gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Trong thời hạn không quá 03 tháng trước ngày Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu lực, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ.

4. Trường hợp hồ sơ đủ và hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc, Cơ quan cấp Giấy phép gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

5. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**Điều 36. Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động**

1. Hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản giải trình cơ sở bán lẻ có nội dung:

Địa điểm lập cơ sở bán lẻ: Địa chỉ cơ sở bán lẻ; mô tả khu vực chung, có liên quan và khu vực sử dụng để lập cơ sở bán lẻ; giải trình việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 21 Nghị định này; giải trình các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 22 Nghị định này, trong trường hợp đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định này; kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ;

Tình hình kinh doanh của cơ sở bán lẻ; kế hoạch kinh doanh và phát triển thị trường; nhu cầu về lao động; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của kế hoạch kinh doanh của cơ sở bán lẻ;

Kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở bán lẻ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất;

c) Báo cáo tổng hợp về kết quả hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm gần nhất;

d) Tài liệu của cơ quan thuế chứng minh không còn nợ thuế quá hạn, trong đó thời điểm cơ quan thuế xác nhận không quá 06 tháng trước ngày gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép;

đ) Bản sao các tài liệu:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép kinh doanh (nếu có);

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ (nếu có).

e) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chỉ phải nộp các tài liệu quy định tại điểm d và đ khoản này trong trường hợp Cơ quan cấp Giấy phép không đủ điều kiện tiếp cận và khai thác được các tài liệu, dữ liệu có liên quan tại các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ thì Cơ quan cấp Giấy phép yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài bổ sung thành phần hồ sơ tương ứng để có đủ cơ sở giải quyết thủ tục hành chính.

2. Trình tự:

a) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia (nếu đủ điều kiện áp dụng) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhà đầu tư nước ngoài được xác nhận đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp theo Văn bản thông báo của cơ quan đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ pháp lý có liên quan theo quy định pháp luật về đăng ký đầu tư, đăng ký doanh nghiệp;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

c) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép xem xét, đánh giá hồ sơ và địa điểm đặt cơ sở bán lẻ để quyết định cấp phép hoặc không cấp phép. Trường hợp không cấp phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

d) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về vấn đề an ninh quốc gia. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các bộ có văn bản chấp thuận cấp Giấy phép;

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng:

Trường hợp các bộ trên chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

Trường hợp một trong hai Bộ trên không chấp thuận cấp phép, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

3. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nhận kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động, Cơ quan cấp Giấy phép trả kết quả giải quyết thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành về thực hiện thủ tục hành chính. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài lựa chọn nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của đơn vị cung ứng dịch vụ bưu chính.

**Điều 37. Từ chối cấp, gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

Ngoài các trường hợp không đáp ứng điều kiện cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ quy định tại Nghị định này, Cơ quan cấp Giấy phép từ chối cấp, gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trong các trường hợp sau:

1. Thời hạn hoạt động của dự án lập cơ sở bán lẻ đã hết theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bị thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định này.

## Chương IV
## CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GỬI, LƯU TRỮ HỒ SƠ VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 38. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Định kỳ hàng năm, trước ngày 15 tháng 01 và ngày 15 tháng 7, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của kỳ báo cáo năm và kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm (Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Trường hợp cần thiết, nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài nộp báo cáo theo một trong các cách thức sau: trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trên môi trường điện tử của Cơ sở dữ liệu (nếu đủ điều kiện áp dụng).

2. Báo cáo của Cơ quan cấp Giấy phép

a) Định kỳ hàng năm, trước ngày 30 tháng 01 và ngày 31 tháng 7, Cơ quan cấp Giấy phép báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước theo quy định của Nghị định này cho kỳ báo cáo năm và kỳ báo cáo 06 tháng đầu năm (Mẫu số 15 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Trường hợp cần thiết, Cơ quan cấp Giấy phép báo cáo, cung cấp thông tin về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước và những vấn đề có liên

quan đến hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo trong chế độ báo cáo định kỳ

a) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hàng năm tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo;

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 của kỳ báo cáo.

**Điều 39. Gửi, lưu trữ hồ sơ và cập nhật thông tin**

1. Cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm gửi bản sao Giấy phép kinh doanh dưới hình thức tài liệu giấy hoặc tài liệu điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến: Bộ Công Thương; Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này); cơ quan thuế; cơ quan thống kê và các cơ quan có liên quan nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính (nếu cần).

2. Cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm gửi bản sao Giấy phép lập cơ sở bán lẻ dưới hình thức tài liệu giấy hoặc tài liệu điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến: Bộ Công Thương; Bộ Công an và Bộ Quốc phòng (đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này); cơ quan thuế; cơ quan thống kê và các cơ quan có liên quan nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ (nếu cần).

3. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh; cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; Quyết định chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ hoặc Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ có hiệu lực thực hiện; nhận được bản sao Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, Cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm cập nhật vào Cơ sở dữ liệu.

4. Cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định của pháp luật về lưu trữ và pháp luật về dữ liệu.

## Chương V
## TẠM NGỪNG, CHẤM DỨT KINH DOANH HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HÓA; THU HỒI GIẤY PHÉP KINH DOANH, GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ

**Điều 40. Tạm ngừng kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, tạm ngừng hoạt động của cơ sở bán lẻ**

1. Các trường hợp tạm ngừng kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, tạm ngừng hoạt động của cơ sở bán lẻ:

a) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quyết định tạm ngừng hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;

b) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quyết định tạm ngừng hoạt động của cơ sở bán lẻ;

c) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phải tạm ngừng hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa khi không duy trì được việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đã được cấp phép theo quy định tại Điều 9 và điều kiện, tiêu chí hoạt động cơ sở bán lẻ đã được cấp phép theo quy định tại Điều 21 Nghị định này, theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được tạm ngừng hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, tạm ngừng hoạt động của cơ sở bán lẻ trong thời hạn không quá 12 tháng.

Khi tạm ngừng hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, tạm ngừng hoạt động của cơ sở bán lẻ, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ quy định về tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục hoạt động kinh doanh trước thời hạn đã thông báo theo quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh; Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, gửi bản sao các Giấy xác nhận này đến Cơ quan cấp Giấy phép để đăng tải lên Cơ sở dữ liệu.

3. Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tạm ngừng hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Cơ quan cấp Giấy phép gửi Thông báo tạm ngừng kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (Mẫu số 16 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đến tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Thông báo có hiệu lực, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm:

a) Tuân thủ quy định về tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn theo quy định pháp luật về đăng ký kinh doanh;

b) Khắc phục để đảm bảo đáp ứng điều kiện, tiêu chí theo quy định của pháp luật về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài; hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa và hoạt động cơ sở bán lẻ theo quy định của Nghị định này và gửi bản sao Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo cho Cơ quan cấp Giấy phép để đăng tải lên Cơ sở dữ liệu.

Quá thời hạn trên mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không khắc phục được để bảo đảm việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa và hoạt động cơ sở bán lẻ theo quy định của Nghị định này, Cơ quan cấp Giấy phép thực hiện chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa và/hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở bán lẻ theo quy định của Nghị định này.

**Điều 41. Chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ**

1. Các trường hợp chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ:

a) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quyết định chấm dứt kinh doanh một phần hoặc toàn bộ nội dung hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;

b) Thời hạn kinh doanh trên Giấy phép kinh doanh hết hiệu lực mà không đề nghị cấp mới; thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu lực mà không đề nghị gia hạn;

c) Thời hạn kinh doanh trên Giấy phép kinh doanh hết hiệu lực mà không được chấp thuận cấp mới; thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu lực mà không được gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ;

d) Quá thời hạn 12 tháng tạm ngừng hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo quy định tại khoản 3 Điều 40 mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không khắc phục được để bảo đảm việc đáp ứng điều kiện, tiêu chí thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đã được cấp phép;

đ) Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị thu hồi theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.

2. Trình tự chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ:

a) Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này

Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấm dứt một phần nội dung hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 10 hoặc điểm b, đ, g khoản 1 Điều 24 Nghị định này, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 14 và 15 Nghị định này, điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 29, 30 Nghị định này.

Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấm dứt toàn bộ nội dung hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, chấm dứt hoạt động của cơ sở bán lẻ, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gửi Thông báo chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, chấm dứt hoạt động của cơ sở bán lẻ (Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đến Cơ quan cấp Giấy phép, đồng thời, hoàn trả bản chính Giấy phép đã được cấp cho Cơ quan cấp Giấy phép.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo trên, Cơ quan cấp Giấy phép ban hành Quyết định chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ (Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này

Trong thời hạn 14 ngày làm việc trước ngày thời hạn kinh doanh trên Giấy phép kinh doanh hết hiệu lực, thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu

lực, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gửi Thông báo chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, chấm dứt hoạt động của cơ sở bán lẻ, đến Cơ quan cấp Giấy phép (Mẫu số 17 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chấm dứt kể từ ngày thời hạn kinh doanh trên Giấy phép kinh doanh, thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu lực.

c) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này

Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chấm dứt kể từ ngày thời hạn kinh doanh trên Giấy phép kinh doanh, thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ hết hiệu lực.

Cơ quan cấp Giấy phép ban hành Quyết định chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ (Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này), trong đó, nêu rõ lý do từ chối cấp mới thời hạn kinh doanh trên Giấy phép kinh doanh, gia hạn thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

d) Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này

Cơ quan cấp Giấy phép ban hành Quyết định chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ (Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh theo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định này; thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại Điều 29, 30 Nghị định này.

Trường hợp hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa bị hủy bỏ toàn bộ, trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan cấp Giấy phép ban hành Quyết định chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ (Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm hoàn trả bản chính Giấy phép kinh doanh; Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp cho Cơ quan cấp Giấy phép và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm (nếu có) theo quy định của pháp luật.

đ) Trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này

Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chấm dứt kể từ ngày quy định trên Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh, Quyết định thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ có hiệu lực. Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ có hiệu lực, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm hoàn trả bản chính Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp cho Cơ quan cấp Giấy phép và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm (nếu có) theo quy định của pháp luật.

**Điều 42. Thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Giấy phép kinh doanh bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bị thu hồi;

b) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án có mục tiêu hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa bị chấm dứt hiệu lực hoặc thu hồi;

c) Nội dung kê khai trong hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh là giả mạo;

d) Ngừng kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa quá 12 tháng mà không báo cáo Cơ quan cấp Giấy phép;

đ) Không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Nghị định này trong 24 tháng liên tiếp;

e) Không gửi báo cáo, tài liệu, giải trình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định này sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày hết hạn theo yêu cầu, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

g) Bị xử phạt vi phạm hành chính đến 03 lần liên tiếp trong thời gian 12 tháng do vi phạm nội dung hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa quy định trong Giấy phép kinh doanh.

2. Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Giấy phép kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của dự án lập cơ sở bán lẻ bị thu hồi;

b) Nội dung kê khai trong hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ là giả mạo;

c) Sau 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp quy định phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà không báo cáo Cơ quan cấp Giấy phép;

d) Sau 24 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với trường hợp quy định phải có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

đ) Ngừng hoạt động của cơ sở bán lẻ quá 12 tháng mà không báo cáo Cơ quan cấp Giấy phép;

e) Không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Nghị định này trong 24 tháng liên tiếp;

g) Không gửi báo cáo, tài liệu, giải trình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định này sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày hết hạn yêu cầu;

h) Bị xử phạt vi phạm hành chính đến 03 lần trong thời gian 12 tháng do vi phạm nội dung hoạt động mua bán hàng hóa quy định trong Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

3. Trình tự thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ

a) Trường hợp quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này:

Cơ quan cấp Giấy phép ra Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của dự án có mục tiêu hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa bị thu hồi, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gửi bản sao Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến Cơ quan cấp Giấy phép.

Trường hợp mục tiêu của dự án đầu tư bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bao gồm toàn bộ hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đã được cấp Giấy phép kinh doanh, Cơ quan cấp Giấy phép ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

Trường hợp mục tiêu của dự án đầu tư bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bao gồm một phần hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đã được cấp Giấy phép kinh doanh, Cơ quan cấp Giấy phép ban hành Quyết định hủy bỏ nội dung Giấy phép kinh

doanh có liên quan đến dự án đầu tư bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đồng thời thực hiện việc điều chỉnh Giấy phép kinh doanh để hủy bỏ nội dung này trên Giấy phép kinh doanh (Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

c) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này:

Cơ quan cấp Giấy phép ban hành Quyết định hủy bỏ những nội dung Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ được điều chỉnh trên cơ sở thông tin giả mạo (Mẫu số 18 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); ghi nhận lại các nội dung được cấp phép trước đó trên Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e khoản 1 và các điểm c, d, đ, e và g khoản 2 Điều này:

Cơ quan cấp Giấy phép gửi văn bản yêu cầu tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài giải trình bằng văn bản về lý do vi phạm quy định, trong đó quy định rõ thời hạn giải trình. Sau 14 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn giải trình mà Cơ quan cấp Giấy phép không nhận được văn bản giải trình của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoặc nội dung văn bản giải trình không thỏa đáng, Cơ quan cấp Giấy phép ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này)

đ) Trường hợp quy định tại điểm g khoản 1, điểm h khoản 2 Điều này:

Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định xử phạt vi phạm hành chính lần thứ 3 có hiệu lực, Cơ quan cấp Giấy phép ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép kinh doanh đã cấp, cấp lại, điều chỉnh; Quyết định thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn.

## Chương VI
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### Điều 43. Trách nhiệm thi hành

1. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

a) Công khai nội dung cam kết của Việt Nam trong các Điều ước quốc tế về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, tình hình mở cửa thị trường, chiến lược phát triển ngành (nếu đủ điều kiện công khai theo quy định);

b) Tổng hợp, cập nhật, xây dựng, sửa đổi, bổ sung điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;

c) Chủ trì kiểm tra, giám sát công tác quản lý nhà nước của Cơ quan cấp Giấy phép đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;

d) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, giám sát, thanh tra hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, lập cơ sở bán lẻ của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

đ) Chủ trì xây dựng, tổ chức quản lý, sử dụng và vận hành Cơ sở dữ liệu về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Trách nhiệm của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng

a) Tham gia ý kiến đối với các nội dung về an ninh quốc gia thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo đề nghị của Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này;

b) Phối hợp, cung cấp thông tin trong phạm vi và bằng hình thức phù hợp, cho các bộ, cơ quan, địa phương về vấn đề an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm kinh tế để phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương trong việc tổng hợp, đăng tải điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, theo quy định pháp luật;

b) Phối hợp với Bộ Công Thương trong việc giám sát, kiểm tra và đánh giá hoạt động đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Thực hiện theo thẩm quyền việc quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

b) Thực hiện theo thẩm quyền việc thanh tra, kiểm tra hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức thanh tra, kiểm tra liên ngành theo đề nghị của các cơ quan có thẩm quyền;

c) Phối hợp với các bộ, ngành liên quan trong công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại địa phương.

**Điều 44. Quy định chuyển tiếp**

1. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Đầu tư đã được cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện các hoạt động kinh doanh đã được cấp phép.

2. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Đầu tư, đã được cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trước ngày Nghị định này có hiệu lực khi có đề nghị điều chỉnh nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này tại các giấy tờ trên thì phải làm thủ tục theo quy định tại Điều 14 và 15 Nghị định này hoặc khi có đề nghị điều chỉnh nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và h khoản 1 Điều 24 Nghị định này tại các giấy tờ trên thì phải làm thủ tục theo quy định tại Điều 29 và 30 Nghị định này. Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ghi nhận lại nội dung đã được cấp phép và ghi nội dung mới được chấp thuận điều chỉnh.

3. Trường hợp có sự thay đổi về địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ cơ sở bán lẻ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được tiếp tục hoạt động theo Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp mà không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

4. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật Đầu tư chưa được cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ nhưng đã có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương có nội dung hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan

trực tiếp đến mua bán hàng hóa, nội dung lập cơ sở bán lẻ, được cấp trước ngày Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 có hiệu lực, và thuộc diện phải cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại Nghị định này, khi có đề nghị điều chỉnh nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này tại các giấy tờ trên thì phải làm thủ tục theo quy định tại Điều 14 và 15 Nghị định này hoặc khi có đề nghị điều chỉnh nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và h khoản 1 Điều 24 Nghị định này tại các giấy tờ trên thì phải làm thủ tục theo quy định tại Điều 29 và 30 Nghị định này. Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ghi nhận lại nội dung đã được cấp phép và ghi nội dung mới được chấp thuận điều chỉnh (Mẫu số 12, 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này).

5. Đối với các hồ sơ cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh; cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được các Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực, việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thực hiện theo quy định của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 và Điều 36 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025.

Trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện giải trình bổ sung theo yêu cầu của Cơ quan cấp Giấy phép trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày Cơ quan cấp Giấy phép ban hành văn bản yêu cầu giải trình bổ sung. Quá thời hạn trên, việc cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép kinh doanh, cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 45. Điều khoản thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; bãi bỏ Điều 36 Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2).

**TM. CHÍNH PHỦ**
**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

**Phạm Gia Túc**

**Phụ lục**

**DANH MỤC BIỂU MẪU**

*(Kèm theo Nghị định số 342/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ)*

| | |
|---|---|
| Mẫu số 01 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh |
| Mẫu số 02 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ |
| Mẫu số 03 | Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh |
| Mẫu số 04 | Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh |
| Mẫu số 05 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ |
| Mẫu số 06 | Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ |
| Mẫu số 07 | Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ |
| Mẫu số 08 | Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ |
| Mẫu số 09 | Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động |
| Mẫu số 10 | Văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép lấy ý kiến (các) Bộ về vấn đề an ninh quốc gia |
| Mẫu số 11 | Văn bản của (các) Bộ trả lời Cơ quan cấp Giấy phép |
| Mẫu số 12 | Giấy phép kinh doanh |
| Mẫu số 13 | Giấy phép lập cơ sở bán lẻ |
| Mẫu số 14 | Báo cáo của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài về việc thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa |
| Mẫu số 15 | Báo cáo của Cơ quan cấp Giấy phép về công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại địa phương |
| Mẫu số 16 | Thông báo của Cơ quan cấp Giấy phép gửi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài về việc tạm ngừng kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ |
| Mẫu số 17 | Thông báo của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài gửi Cơ quan cấp Giấy phép về việc chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ |
| Mẫu số 18 | Quyết định của Cơ quan cấp Giấy phép về việc chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ |
| Mẫu số 19 | Quyết định của Cơ quan cấp Giấy phép về việc thu hồi Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ |
| Bảng 1 | Hướng dẫn cách ghi Giấy phép |

**Mẫu số 01**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày ... tháng … năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ):.....

3. Vốn đầu tư kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): .....

4. Ngành nghề kinh doanh[3]: .....

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[4]:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên tổ chức: ..... Nơi đăng ký thành lập: .....

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần: .....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính:.....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ..... Quốc tịch:.....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Lập danh sách kèm theo Đơn đề nghị trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập.

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần:.....

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:**

1. Hoạt động mua bán hàng hóa (chỉ ghi hoạt động đề nghị thực hiện):

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn/không gắn với lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam gồm: .....

- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các mặt hàng:... theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn.....

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng:... theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn ...

2. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[5]:

- .....

- .....

3. Các nội dung khác (nếu có):

- .....

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. ...;
2. ...

[5] Ghi từng hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đăng ký thực hiện theo quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

**Mẫu số 02**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH ĐỒNG THỜI VỚI GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày ... tháng ... năm ...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ ... ngày ... tháng ... năm ...

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ):.....

3. Vốn đầu tư kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): .....

4. Ngành nghề kinh doanh[3]: .....

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[4]:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên tổ chức: ..... Nơi đăng ký thành lập: .....

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần: .....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính: .....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ..... Quốc tịch: .....

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: .....

6. Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm.....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Lập danh sách kèm theo Đơn đề nghị trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập.

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:**

1. Hoạt động mua bán hàng hóa (chỉ ghi hoạt động đề nghị thực hiện):

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn/không gắn với lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam gồm:.....

- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các mặt hàng:... theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn .....

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng:... theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này trong thời hạn ...

2. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[5]:

- .....

- .....

3. Các nội dung khác (nếu có):

- .....

**III. Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ với nội dung như sau:**

1. Tên cơ sở bán lẻ: .....

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ: .....

3. Loại hình cơ sở bán lẻ[6]: .....

4. Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: ... $m^2$

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ[7]:.....

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:.....

7. Các đề xuất khác (nếu có): .....

**IV. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. ...;
2. ...

---

[5] Ghi từng hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đăng ký thực hiện theo quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

[6] Ghi loại hình cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này; ghi "loại khác" đối với các loại hình cơ sở bán lẻ không quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

[7] Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài kê khai theo mã HS kèm mô tả hàng hóa hoặc theo mã HS của nhóm hàng kèm mô tả nhóm hàng hoặc theo mã HS kèm tên Chương theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có hiệu lực thi hành tại thời điểm đề nghị cấp phép, trên cơ sở tự cân đối nhu cầu kinh doanh và sự phù hợp với quy định pháp luật về thuế, tài chính, hải quan và quy định khác có liên quan.

**Mẫu số 03**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KINH DOANH**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng… năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ... ngày... tháng... năm.....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ):.....

3. Vốn đầu tư cho Dự án hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): .....

4. Ngành nghề kinh doanh[3]:.....

5. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[4]... ngày... tháng... năm.....

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số...:**

1. Điều chỉnh thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Thông tin đã được ghi nhận: (Chỉ ghi thông tin có liên quan đến thông tin cần điều chỉnh)…

b) Thông tin đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh: .....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

c) Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh: …..

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp: (Chỉ ghi nội dung có liên quan đến nội dung cần điều chỉnh)…

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh:……

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh:……

**III. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

**Mẫu số 04**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ....

2. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3]... ngày...tháng...năm...

**II. Lý do cấp lại Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số ...:** .....[4]

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của Giấy phép kinh doanh.

3. Hoàn trả Giấy phép kinh doanh đã được cấp trước đó theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định này.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. ...;
2. ...

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi cụ thể theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

**Mẫu số 05**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:.....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ...

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày...tháng...năm....

Các cơ sở bán lẻ đã lập trên phạm vi toàn quốc[4]: .....

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm.....

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... như sau:**

1. Tên cơ sở bán lẻ: .....

2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ: .....

3. Loại hình cơ sở bán lẻ[5]: .....

4. Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: ... $m^2$.

5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ[6]: .....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép nơi tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đặt cơ sở bán lẻ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố, nêu các nội dung: số thứ tự; tên cơ sở bán lẻ; số, ngày, tháng, năm của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ; địa chỉ của cơ sở bán lẻ.

[5] Ghi loại hình cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này; ghi "loại khác" đối với các loại hình cơ sở bán lẻ không quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

[6] Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài kê khai theo mã HS kèm mô tả hàng hóa hoặc theo mã HS của nhóm hàng kèm mô tả nhóm hàng hoặc theo mã HS kèm tên Chương theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có hiệu lực thi hành tại thời điểm đề nghị cấp phép, trên cơ sở tự cân đối nhu cầu kinh doanh và sự phù hợp với quy định pháp luật về thuế, tài chính, hải quan và quy định khác có liên quan.

6. Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ: .....

7. Vốn đầu tư kinh doanh cơ sở bán lẻ: .....

8. Các nội dung khác (nếu có): .....

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. ...;
2. ...

**Mẫu số 06**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ....

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần[4]... ngày...tháng...năm...

**II. Nội dung đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... như sau:**

1. Điều chỉnh thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

a) Thông tin đã được ghi nhận: (Chỉ ghi thông tin có liên quan đến thông tin cần điều chỉnh)...

b) Thông tin đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh: .....

c) Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sau khi điều chỉnh: .....

2. Điều chỉnh nội dung kinh doanh

a) Nội dung kinh doanh đã được cấp: (Chỉ ghi nội dung có liên quan đến nội dung cần điều chỉnh)...

b) Nội dung kinh doanh đề nghị điều chỉnh và lý do điều chỉnh:.....

c) Nội dung kinh doanh sau khi điều chỉnh: .....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị điều chỉnh.

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

**Mẫu số 07**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ...

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm....; điều chỉnh/cấp lại lần[3]... ngày...tháng...năm...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm....; cấp đăng ký thay đổi lần[4]... ngày...tháng...năm...

**II. Lý do cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số...:** .....[5]

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

| | |
|---|---|
| Các tài liệu gửi kèm:<br>1. ...;<br>2. ... | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**<br>*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này trong trường hợp cấp lại quy định tại Điều 31 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị cấp lại.

[5] Ghi cụ thể theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

**Mẫu số 08**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....Fax: ..... Email: ..... Website: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số... do... cấp lần đầu ngày... tháng... năm....; điều chỉnh/cấp lại lần[3] ... ngày ...tháng ...năm ...

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do ... cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần[4] ... ngày ... tháng ...năm ..., thời hạn đã được cấp phép ngày ... tháng ... năm ...

**II. Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số...:**

1. Thời hạn gia hạn: .....

2. Lý do gia hạn: .....

3. Các đề xuất khác (nếu có): .....

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

| | |
|---|---|
| Các tài liệu gửi kèm:<br>1. ...;<br>2. ... | **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**<br>*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[4] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đề nghị gia hạn.

**Mẫu số 09**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ CHO PHÉP CƠ SỞ BÁN LẺ ĐƯỢC TIẾP TỤC HOẠT ĐỘNG**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài[2]:**

1. Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:.....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do.... cấp lần đầu ngày... tháng.... năm....; cấp đăng ký thay đổi lần thứ... ngày....tháng....năm....

2. Vốn điều lệ (ghi bằng số và chữ): .....

3. Vốn đầu tư kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa (nếu có) (ghi bằng số và chữ; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài): .....

4. Ngành nghề kinh doanh[3]: .....

5. Thông tin về chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập[4]:

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là tổ chức:

+ Tên tổ chức kinh tế: ..... Nơi đăng ký thành lập: .....

+ Tỷ lệ vốn góp/cổ phần: .....

+ Ngành nghề/lĩnh vực kinh doanh chính: .....

- Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập là cá nhân:

+ Họ và tên: ..... Quốc tịch:.....

+ Tỷ lệ góp vốn/cổ phần: .....

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

[3] Ghi ngành nghề kinh doanh theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

[4] Lập danh sách kèm theo Đơn đề nghị trong trường hợp có nhiều chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập.

6. Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số ... do... cấp ngày... tháng... năm... (nếu có)[5].

7. Các cơ sở bán lẻ đã được lập trên phạm vi toàn quốc[6]: .....

**II. Nội dung đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ để (các) cơ sở bán lẻ dưới đây được tiếp tục hoạt động trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương...[7]:**

1. Cơ sở bán lẻ số...:

a) Tên cơ sở bán lẻ: .....

b) Địa chỉ cơ sở bán lẻ: .....

c) Loại hình cơ sở bán lẻ[8]: .....

d) Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: ... $m^2$

đ) Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ[9]:.....

e) Thời hạn hoạt động của cơ sở bán lẻ:.....

g) Các nội dung khác (nếu có):.....

2. Cơ sở bán lẻ số ... (kê khai như đối với cơ sở bán lẻ thứ nhất).

**III. Cam kết của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Đơn và Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ và các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. ...;
2. ...

[5] Ghi đăng ký thay đổi lần gần nhất.

[6] Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố, nêu các nội dung: Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ số... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm...; địa chỉ cơ sở bán lẻ, diện tích bán hàng của mỗi cơ sở bán lẻ; hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ.

[7] Trường hợp có nhiều cơ sở bán lẻ thì lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung quy định tại phần II Mẫu này. Mỗi tỉnh/thành phố lập 01 phụ lục kèm theo 01 Đơn đề nghị.

[8] Ghi loại hình cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này; ghi "loại khác" đối với các loại hình cơ sở bán lẻ không quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

[9] Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài kê khai theo mã HS kèm mô tả hàng hóa hoặc theo mã HS của nhóm hàng kèm mô tả nhóm hàng hoặc theo mã HS kèm tên Chương theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có hiệu lực thi hành tại thời điểm đề nghị cấp phép, trên cơ sở tự cân đối nhu cầu kinh doanh và sự phù hợp với quy định pháp luật về thuế, tài chính, hải quan và quy định khác có liên quan.

**Mẫu số 10**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …….. | *……, ngày... tháng ... năm ...* |
| V/v lấy ý kiến về hồ sơ … | |

Kính gửi: Bộ…

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số ../202…/NĐ-CP ngày … tháng … năm 202.. của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, sau khi kiểm tra sự đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 9[1] Nghị định trên (*áp dụng đối với trường hợp cấp/điều chỉnh Giấy phép kinh doanh*),

*hoặc,*

Điều 21 Nghị định trên (*áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ*),

*hoặc,*

Điều 36 Nghị định trên (*áp dụng đối với trường hợp cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động*),

Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ của … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) đề nghị cấp/điều chỉnh Giấy phép và đề nghị Bộ… có ý kiến về việc:

- Cấp Giấy phép kinh doanh cho … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) *hoặc* điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... theo đề nghị của … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (có hồ sơ kèm theo).

*hoặc*

- Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ *hoặc* cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ… được tiếp tục hoạt động theo đề nghị của … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) (có hồ sơ kèm theo).

- Nội dung khác (nếu có)….

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** |
| - Như trên; | *(Chữ ký của người có thẩm quyền,* |
| - Lưu: ... | *dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)* |
| | **Họ và tên** |

[1] Ghi rõ trường hợp lấy ý kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này.

**Mẫu số 11**

| | |
|---|---|
| **BỘ ...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ..... | *..., ngày ... tháng ... năm ...* |
| V/v ..... | |

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép

Thực hiện quy định tại khoản … Điều … Nghị định số …/202…/NĐ-CP ngày … tháng … năm 20… của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, trên cơ sở đề nghị của Cơ quan cấp Giấy phép tại Công văn số… ngày… tháng ... năm ..., Bộ… có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh cho … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) *hoặc* điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... của … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

*hoặc,*

Không chấp thuận cấp Giấy phép kinh doanh cho … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) *hoặc* điều chỉnh Giấy phép kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ... của … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) với lý do: …….

2. Chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) *hoặc* cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ của … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) được tiếp tục hoạt động.

*hoặc*

Không chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) *hoặc* không chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ của … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) được tiếp tục hoạt động với lý do: .....

3. Ý kiến khác (nếu có): .....

| | |
|---|---|
| ***Nơi nhận:*** | **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** |
| - Như trên; | *(Chữ ký của người có thẩm quyền,* |
| - Lưu:.... | *dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)* |
| | **Họ và tên** |

**Mẫu số 12**

| TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

**GIẤY PHÉP KINH DOANH**
**HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HÓA**
**Số: .....**

Cấp lần đầu: ngày ...tháng ... năm...
Điều chỉnh lần thứ ...: ngày ...tháng ...năm...
Cấp lại lần thứ ...: ngày ...tháng ...năm...
(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép kinh doanh số... do... cấp ngày... tháng... năm...)

Căn cứ Nghị định số .../202../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị cấp/điều chỉnh/cấp lại Giấy phép kinh doanh của ... (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP[1]**

**I. Chấp thuận:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài *(ghi bằng chữ in hoa)*: .....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm...; cấp đăng ký thay đổi lần thứ[2]... ngày ... tháng ... năm...

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Chủ sở hữu/thành viên góp vốn/cổ đông sáng lập:

| STT | Tên chủ sở hữu/thành viên/cổ đông sáng lập | Nơi đăng ký thành lập đối với tổ chức/ hoặc quốc tịch đối với cá nhân | Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |
| ... | | | | | |

[1] Thẩm quyền cấp Giấy phép thuộc về người đứng đầu Cơ quan cấp Giấy phép thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền cấp Giấy phép thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc Cơ quan cấp Giấy phép thì ghi tên tập thể hoặc tên Cơ quan cấp Giấy phép đó.

[2] Ghi thông tin đăng ký thay đổi gần nhất.

**Được thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa sau:**

1. Hoạt động mua bán hàng hóa (chỉ ghi hoạt động được cấp phép):

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn/không gắn với lập cơ sở bán lẻ) các hàng hóa: ..... theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các mặt hàng ... quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định này với thời hạn từ ngày ... tháng ... năm... đến ngày... tháng ... năm.

- Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (gắn với lập cơ sở bán lẻ) các mặt hàng ... quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định này với thời hạn từ ngày ... tháng ... năm... đến ngày... tháng ... năm.

Các điều kiện ràng buộc (nếu có): .....

2. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[4] (chỉ ghi hoạt động theo quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được cấp phép):

- Hoạt động 1: ... với thời hạn kinh doanh...

- Hoạt động 2: ... với thời hạn kinh doanh...

Các điều kiện ràng buộc (nếu có): .....

**II. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp.**

**III. Giấy phép này được lập thành 02 bản gốc:** 01 bản cấp cho ... (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), 01 bản lưu tại Cơ quan cấp Giấy phép.

***Sao gửi*[5]*:***
- ...;
- ...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

---

[4] Ghi từng hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa được thực hiện theo quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

[5] Liệt kê các cơ quan nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định này.

**Mẫu số 13**

**TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ
**Số: .....**

Cấp lần đầu: ngày ... tháng ... năm...
Điều chỉnh lần thứ ...: ngày ... tháng ... năm...
Gia hạn lần thứ ...: ngày ... tháng ... năm...
Cấp lại lần thứ...: ngày ... tháng ... năm...

Căn cứ Nghị định số ../202…/NĐ-CP ngày … tháng … năm 202… của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Xét Đơn đề nghị cấp/cấp lại/điều chỉnh/gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ của … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP[1]**

**I. Chấp thuận:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài *(ghi bằng chữ in hoa)*: ……..
Mã số doanh nghiệp:……..
Địa chỉ trụ sở chính: ……

Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa số .... do ... cấp lần đầu ngày... tháng .... năm...., điều chỉnh/cấp lại lần[2] ngày… tháng .... năm....

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ số… do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm ……..

**Được lập cơ sở bán lẻ số ... với nội dung như sau:**

1. Tên cơ sở bán lẻ: ……
2. Địa chỉ cơ sở bán lẻ:……
3. Loại hình cơ sở bán lẻ[3]: ……..
4. Diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ: ... $m^2$
5. Hàng hóa phân phối tại cơ sở bán lẻ[4]: ……..

---

[1] Thẩm quyền cấp Giấy phép thuộc về người đứng đầu Cơ quan cấp Giấy phép thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền cấp Giấy phép thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc Cơ quan cấp Giấy phép thì ghi tên tập thể hoặc tên Cơ quan cấp Giấy phép đó.

[2] Ghi thông tin cấp điều chỉnh/cấp lại lần gần nhất.

[3] Ghi loại hình cơ sở bán lẻ theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này; ghi "loại khác" đối với các loại hình cơ sở bán lẻ không quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị định này.

[4] Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài kê khai theo mã HS kèm mô tả hàng hóa hoặc theo mã HS của nhóm hàng kèm mô tả nhóm hàng hoặc theo mã HS kèm tên Chương theo Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu có hiệu lực thi hành tại thời điểm đề nghị cấp phép, trên cơ sở tự cân đối nhu cầu kinh doanh và sự phù hợp với quy định pháp luật về thuế, tài chính, hải quan và quy định khác có liên quan.

6. Các nội dung khác *(nếu có)*: .....

**II. Thời hạn của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ:** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết ngày... tháng...năm .....

**III. Giấy phép này được lập thành 02 bản gốc:** 01 bản cấp cho ... (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài), 01 bản lưu tại Cơ quan cấp Giấy phép.

***Sao gửi*[5]*:***
- ...;
- ....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

[5] Liệt kê các cơ quan nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định này.

**Mẫu số 14**

**TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ**
**CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*..., ngày ... tháng ... năm ...*

# BÁO CÁO THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HÓA

**Kỳ báo cáo[1]: ...**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[2]

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....
Mã số doanh nghiệp: .....
Địa chỉ trụ sở chính: .....
Điện thoại: .....Fax: ..... Email: ..... Website (nếu có): .....
Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:.....
Giấy phép kinh doanh số: .....do..... cấp ngày... tháng ... năm.....[3]
Số lượng cơ sở bán lẻ đã được cấp phép trên phạm vi toàn quốc[4]: .....
Số lượng cơ sở bán lẻ đang hoạt động trên phạm vi toàn quốc[5]: .....

**I. Tình hình thực hiện Giấy phép kinh doanh**

1. Thực hiện quyền phân phối bán lẻ không gắn với lập cơ sở bán lẻ (nếu có)

| Nhóm hàng | Hàng nhập khẩu | | Hàng trong nước | | Tổng | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Doanh thu[6] (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) |
| | (1) | | (2) | | (1) + (2) | |
| 1. Thực phẩm | | | | | | |
| 2. Phi thực phẩm | | | | | | |
| 3. ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| **Tổng cộng** | | | | | | |

[1] Ghi rõ kỳ báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 38.

[2] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định này.

[3] Ghi Giấy phép kinh doanh cấp lần gần nhất.

[4] Thống kê tổng số cơ sở bán lẻ đã được cấp Giấy phép trên phạm vi toàn quốc. Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung: Số thứ tự, tên, địa chỉ cơ sở bán lẻ; số, ngày cấp của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

[5] Thống kê số cơ sở bán lẻ đang hoạt động trên phạm vi toàn quốc tại thời điểm báo cáo. Lập phụ lục theo tỉnh/thành phố nêu các nội dung: Số thứ tự, tên, địa chỉ cơ sở bán lẻ; số, ngày cấp của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

[6] Ghi doanh thu của hàng hóa bán lẻ có nguồn gốc nhập khẩu.

2. Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn hàng hóa theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số …/202../NĐ-CP (nếu có)

| Nhóm hàng | Số lượng | | Doanh thu | | Lợi nhuận | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Số lượng (ĐVT) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Lợi nhuận (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) |
| 1. Hàng nhập khẩu | | | | | | |
| 2. Hàng trong nước | | | | | | |
| **Tổng cộng** | | | | | | |

3. Thực hiện các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[7]

a) Hoạt động: ...

- Nội dung hoạt động/lĩnh vực/mặt hàng chính: .....
- Doanh thu: .....
- Lợi nhuận: .....
- Đối tác kinh doanh chính: .....
- Nội dung khác: .....

b) Hoạt động: .....

**II. Tình hình thực hiện Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (nếu có)**

1. Tình hình kinh doanh chung của các cơ sở bán lẻ

| Tỉnh/thành phố | Hàng nhập khẩu | | Hàng trong nước | | Doanh thu | | Lợi nhuận | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Lợi nhuận (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) |
| | (1) | | (2) | | (1 + 2) | | | |
| 1. Tỉnh/thành phố... | | | | | | | | |
| - Cơ sở bán lẻ số... | | | | | | | | |
| - Cơ sở bán lẻ số... | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | |
| 2. Tỉnh/thành phố... | | | | | | | | |
| - Cơ sở bán lẻ số... | | | | | | | | |
| … | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | |
| 3. ... | | | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | | | |

[7] Ghi tên hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

2. Tình hình kinh doanh theo mặt hàng, nhóm hàng của các cơ sở bán lẻ

a) Tình hình kinh doanh theo nhóm hàng

| Nhóm hàng | Hàng nhập khẩu | | Hàng trong nước | |
|---|---|---|---|---|
| | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) |
| **I. THỰC PHẨM (Bao gồm mặt hàng gạo, đường)** | | | | |
| 1. Tỉnh/thành phố... | | | | |
| - Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| - Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| … | | | | |
| Cộng thực phẩm | | | | |
| 2. Tỉnh/thành phố... | | | | |
| - Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| … | | | | |
| Cộng thực phẩm | | | | |
| **II. PHI THỰC PHẨM** | | | | |
| 1. Tỉnh/thành phố... | | | | |
| - Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| - Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| … | | | | |
| … | | | | |
| Cộng phi thực phẩm | | | | |
| 2. Tỉnh/thành phố... | | | | |
| - Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| … | | | | |
| **III. TỔNG CỘNG** | | | | |
| 1. Tổng cộng thực phẩm | | | | |
| 2. Tổng cộng phi thực phẩm | | | | |

b) Tình hình kinh doanh hàng hóa theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số …/20…/NĐ-CP

| Mặt hàng | Số lượng (ĐVT) | | Doanh thu (Triệu VNĐ) | |
|---|---|---|---|---|
| | Kỳ báo cáo | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Kỳ báo cáo | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) |
| **I. GẠO** | | | | |
| 1. Tỉnh/thành phố... | | | | |
| Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| … | | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Cộng mặt hàng gạo (1) | | | | |
| 2. Tỉnh/thành phố... | | | | |
| Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| … | | | | |
| Cộng mặt hàng gạo (2) | | | | |
| **II. ĐƯỜNG** | | | | |
| 1. Tỉnh/thành phố... | | | | |
| Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| ... | | | | |
| Cộng mặt hàng đường (3) | | | | |
| 2. Tỉnh/thành phố | | | | |
| Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| … | | | | |
| Cộng mặt hàng đường (4) | | | | |
| **III. VẬT PHẨM ĐÃ GHI HÌNH, SÁCH, BÁO VÀ TẠP CHÍ** | | | | |
| 1. Tỉnh/thành phố... | | | | |
| Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| ... | | | | |
| Cộng mặt hàng vật phẩm đã ghi hình, sách, báo và tạp chí (5) | | | | |
| 2. Tỉnh/thành phố | | | | |
| Cơ sở bán lẻ số... | | | | |
| **…** | | | | |
| Cộng mặt hàng vật phẩm đã ghi hình, sách, báo và tạp chí (6) | | | | |
| **IV. TỔNG CỘNG** | … | ... | ... | … |
| 1. Tổng cộng mặt hàng gạo (1+2) | | | | |
| 2. Tổng cộng mặt hàng đường (3+4) | | | | |
| 3. Tổng cộng mặt hàng vật phẩm đã ghi hình, sách, báo và tạp chí (5+6) | | | | |

**III. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước[8]**

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) |
|---|---|---|---|
| 1 | Doanh thu | | |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | | |
| 3 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | | |
| 4 | Các nghĩa vụ thuế và tài chính khác... | | |

[8] Chỉ báo cáo các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa.

… (Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo này.

***Nơi nhận:***
- Cơ quan cấp Giấy phép;
- …

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 15**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …./BC | *..., ngày... tháng... năm...* |

**BÁO CÁO**
**VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN MUA BÁN HÀNG HÓA CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH PHỐ…**
**Kỳ báo cáo[1]: ...**

Kính gửi[2]: - …
- …

**1. Tình hình cấp Giấy phép kinh doanh**

- Thông tin khái quát:.....
- Tình hình thực hiện:

| Tiêu chí | Hồ sơ đã cấp phép | Hồ sơ đang giải quyết[3] | Hồ sơ không chấp thuận | Tăng/giảm hồ sơ cấp phép so với cùng kỳ | Lũy kế hồ sơ cấp phép đến thời điểm báo cáo |
|---|---|---|---|---|---|
| Cấp mới | | | | | |
| Cấp lại | | | | | |
| Điều chỉnh | | | | | |
| Tạm ngừng hoạt động | | | | | |
| Thu hồi | | | | | |
| **Tổng** | | | | | |

**2. Tình hình cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

- Thông tin khái quát:

.....

[1] Ghi rõ kỳ báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này.
[2] Ghi rõ tên cơ quan nhận báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này.
[3] Hồ sơ đang trong quá trình giải quyết đến thời hạn chốt số liệu báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Nghị định này.

- Tình hình thực hiện:

| Tiêu chí | Hồ sơ đã cấp phép | Hồ sơ đang giải quyết | Hồ sơ không chấp thuận | Tăng/giảm hồ sơ cấp phép so với cùng kỳ | Lũy kế hồ sơ cấp phép đến thời điểm báo cáo |
|---|---|---|---|---|---|
| Cấp mới | | | | | |
| Cấp lại | | | | | |
| Điều chỉnh | | | | | |
| Gia hạn | | | | | |
| Tạm ngừng hoạt động | | | | | |
| Thu hồi | | | | | |
| **Tổng** | | | | | |

**3. Tình hình cấp phép theo lĩnh vực cụ thể**

- Thông tin khái quát:.....

- Tình hình thực hiện:

| STT | Lĩnh vực | Số lượt cấp phép | Tăng/giảm so với cùng kỳ | Lũy kế đến thời điểm báo cáo |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Thực hiện quyền phân phối bán lẻ không gắn với lập cơ sở bán lẻ | | | |
| 2 | Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn hàng hóa quy định tại điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số .../20../NĐ-CP | | | |
| 3 | Thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa quy định tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số ../20../NĐ-CP | | | |
| 4 | Cung cấp dịch vụ logistics; trừ các phân ngành dịch vụ logistics mà Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên | | | |
| 5 | Cho thuê hàng hóa, không bao gồm cho thuê tài chính (trừ cho thuê trang thiết bị xây dựng có người vận hành) | | | |
| 6 | Cung cấp dịch vụ xúc tiến thương mại (không bao gồm dịch vụ quảng cáo) | | | |
| 7 | Cung cấp dịch vụ trung gian thương mại | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 8 | Hoạt động quản lý và vận hành nền tảng thương mại điện tử trung gian, mạng xã hội hoạt động thương mại điện tử, nền tảng thương mại tích hợp | | | |
| 9 | Cung cấp dịch vụ tổ chức đấu thầu hàng hóa, dịch vụ | | | |

**4. Tình hình thực hiện quyền phân phối bán lẻ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn**

| Nhóm hàng | Hàng nhập khẩu | | Hàng trong nước | | Tổng | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Doanh thu[4] (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) | Doanh thu (triệu VNĐ) | Tăng/giảm so với cùng kỳ (%) |
| | (1) | | (2) | | (1) + (2) | |
| 1. Thực phẩm | | | | | | |
| 2. Phi thực phẩm | | | | | | |
| 3. … | | | | | | |
| … | | | | | | |
| **Tổng cộng** | | | | | | |

**5. Việc thực hiện lấy ý kiến về vấn đề an ninh quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định …/202…/NĐ-CP**

a) Thông tin khái quát: .....

b) Tình hình thực hiện:

| STT | Hồ sơ gửi lấy ý kiến về vấn đề an ninh quốc gia | Bộ Công an | Bộ Quốc phòng | Tổng |
|---|---|---|---|---|
| | **Tổng số hồ sơ gửi lấy ý kiến (1+2)** | | | |
| **1** | **Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh: (1)** | | | |
| 1.1 | Hồ sơ gửi lấy ý kiến: | | | |
| 1.2 | Hồ sơ được chấp thuận: | | | |
| 1.3 | Hồ sơ không được chấp thuận: | | | |
| 1.4 | Hồ sơ đang chờ ý kiến: | | | |
| **2** | **Hồ sơ cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ: (2)** | | | |
| 1.1 | Hồ sơ gửi lấy ý kiến: | | | |
| 1.2 | Hồ sơ được chấp thuận: | | | |
| 1.3 | Hồ sơ không được chấp thuận: | | | |
| 1.4 | Hồ sơ đang chờ ý kiến: | | | |

c) Cụ thể các trường hợp không được chấp thuận cấp phép

- Hồ sơ cấp Giấy phép kinh doanh:

[4] Ghi doanh thu của hàng hóa bán lẻ có nguồn gốc nhập khẩu.

| STT | Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | Hoạt động đăng ký thực hiện | Ý kiến của Bộ Công an | | Ý kiến của Bộ Quốc phòng | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chấp thuận | Không chấp thuận | Chấp thuận | Không chấp thuận |
| 1 | … | | | | | |
| 2 | … | | | | | |
| | … | | | | | |

- Hồ sơ cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ:

| STT | Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | Ý kiến của Bộ Công an | | Ý kiến của Bộ Quốc phòng | | Ý kiến của Hội đồng kiểm tra nhu cầu kinh tế (nếu có) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Chấp thuận | Không chấp thuận | Chấp thuận | Không chấp thuận | Chấp thuận | Không chấp thuận |
| 1 | … | | | | | | |
| 2 | … | | | | | | |
| | … | | | | | | |

**6. Tình hình thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm[5]**

.....

**7. Đánh giá chung về tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh**

- Tình hình hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách nhà nước của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

- Tình hình chấp hành các quy định pháp luật nhà nước có liên quan: .....

**8. Nhận xét, đánh giá về tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc phạm vi quản lý** .....

**9. Kiến nghị:** .....

***Nơi nhận:***
- …;
- …

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

---

[5] Nêu rõ nội dung, đối tượng, thời gian, kết quả… của hoạt động thanh tra, kiểm tra và các nội dung khác, phương án giải quyết… (nếu có).

**Mẫu số 16**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: … | *..., ngày ... tháng ... năm ...* |

**THÔNG BÁO**

**Về việc tạm ngừng kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ**

Kính gửi: … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)

**I. Thông tin về tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:**

Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ……..

Mã số doanh nghiệp: ……..

Địa chỉ trụ sở chính: ……..

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: ……

Giấy phép kinh doanh số: ……. do……cấp lần đầu ngày... tháng ... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần… ngày… tháng .... năm.... (nếu có).

Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số: … do…… cấp lần đầu ngày... tháng ... năm...; điều chỉnh/cấp lại/gia hạn lần… ngày… tháng .... năm... (nếu có).

**II. Nội dung, lý do, thời gian tạm ngừng kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa/các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa/hoạt động của cơ sở bán lẻ**

Đề nghị … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) tạm ngừng kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa[1]: … đã được cấp phép tại Giấy phép kinh doanh số… *hoặc* hoạt động của cơ sở bán lẻ đã được cấp phép tại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số…, kể từ ngày… tháng… năm đến ngày… tháng… năm.

Lý do[2]: Trong quá trình hoạt động, … (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) đã không đáp ứng được điều kiện, tiêu chí thực hiện hoạt động trên theo Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số…

---

[1] Ghi cụ thể hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp phép trên Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

[2] Ghi cụ thể theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Nghị định này.

**III. Trách nhiệm của ...** (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài):

1. Chấp hành Thông báo tạm ngừng kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa/hoạt động của cơ sở bán lẻ này.

2. Khắc phục để bảo đảm việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chí cấp Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định của pháp luật; báo cáo kết quả thực hiện đến Cơ quan cấp Giấy phép.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- ....

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*
**Họ và tên**

**Mẫu số 17**

| | |
|---|---|
| **TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ... | *..., ngày ... tháng ... năm ...* |

**THÔNG BÁO**
**Về việc chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa, hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa, hoạt động của cơ sở bán lẻ**

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy phép[1]

1. … (Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) thông báo về việc chấm dứt hoạt động mua bán hàng hóa…/hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa…[2] đã được cấp phép tại Giấy phép kinh doanh số… do… cấp lần đầu ngày... tháng ... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần… ngày… tháng .... năm.... (nếu có).

*hoặc,*

… (Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Cơ sở bán lẻ số…, đã được cấp phép theo Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số… do… cấp lần đầu ngày… tháng… năm…; điều chỉnh/cấp lại/gia hạn lần… ngày… tháng .... năm... (nếu có).

Lý do chấm dứt hoạt động: ……..……....

2. Ý kiến khác: ……....

3. … (Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) cam kết:

- Thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động mua bán hàng hóa, hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa *hoặc* chấm dứt hoạt động của cơ sở bán lẻ theo quy định tại Nghị định số…/202…/NĐ-CP.

- Hoàn trả bản gốc Giấy phép kinh doanh *hoặc* Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho Cơ quan cấp Giấy phép… theo quy định.

- Thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Các tài liệu gửi kèm:
1. …;
2. …

---

[1] Ghi tên Cơ quan cấp Giấy phép theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định này.

[2] Ghi rõ hoạt động mua bán hàng hóa, hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa đề nghị chấm dứt hoạt động.

**Mẫu số 18**

| | |
|---|---|
| **TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: … | *..., ngày ... tháng ... năm ...* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chấm dứt kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; hoạt động của cơ sở bán lẻ của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam**

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP[1]**

*Căn cứ Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;*

*Căn cứ……*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Chấm dứt toàn bộ hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Giấy phép kinh doanh số... do… cấp lần đầu ngày... tháng ... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần… ngày… tháng.... năm... của…** (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Lý do: .....

*hoặc*

**Điều 1. Chấm dứt một phần hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Giấy phép kinh doanh số… do… cấp lần đầu ngày... tháng ... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần… ngày… tháng .... năm... của…** (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Lý do: .....

[1] Thẩm quyền cấp Giấy phép thuộc về người đứng đầu Cơ quan cấp Giấy phép thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền cấp Giấy phép thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc Cơ quan cấp Giấy phép thì ghi tên tập thể hoặc tên Cơ quan cấp Giấy phép đó.

*hoặc*

**Điều 1. Chấm dứt hoạt động của cơ sở bán lẻ số... do… cấp lần đầu ngày… tháng… năm…; điều chỉnh/cấp lại/gia hạn lần… ngày… tháng.... năm... của…** (tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ số… do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm .....

Lý do: .....

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** … (Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) và các cá nhân có tên … có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***
- …;
- …

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

**Mẫu số 19**

| | |
|---|---|
| **CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: … | *..., ngày ... tháng ... năm ...* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**Về việc thu hồi Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài**

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP[1] ...**

*Căn cứ Nghị định số .../202.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 202... của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;*

*Căn cứ……*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Thu hồi Giấy phép kinh doanh số... do… cấp lần đầu ngày... tháng ... năm...; điều chỉnh/cấp lại lần… ngày… tháng.... năm... của…**(tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Lý do thu hồi: .....

*hoặc*

**Điều 1. Thu hồi Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số ... do… cấp lần đầu ngày… tháng… năm…; điều chỉnh/cấp lại/gia hạn lần… ngày… tháng.... năm... của…**(tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).

Mã số doanh nghiệp: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: .....

Tên cơ sở bán lẻ: .....

Địa chỉ cơ sở bán lẻ: .....

---

[1] Thẩm quyền cấp Giấy phép thuộc về người đứng đầu Cơ quan cấp Giấy phép thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền cấp Giấy phép thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc Cơ quan cấp Giấy phép thì ghi tên tập thể hoặc tên Cơ quan cấp Giấy phép đó.

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại nơi lập cơ sở bán lẻ/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án lập cơ sở bán lẻ số… do... cấp đăng ký lần đầu ngày... tháng... năm .....

Lý do thu hồi: .....

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** … (Tên tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) và các cá nhân có tên … có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***
- …;
- …

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

**Họ và tên**

**Bảng 1**
**HƯỚNG DẪN CÁCH GHI**
**GIẤY PHÉP KINH DOANH, GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ**

**I. Số Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

**1. Số Giấy phép kinh doanh**

a) Cấu trúc: số Giấy phép kinh doanh có cấu trúc như sau "Số GCNĐKDN/KD-0000", trong đó:

- "Số GCNĐKDN" là số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- "KD" là ký hiệu viết tắt của "Giấy phép kinh doanh".

- "0000": từ 0001 đến 9999, là số thứ tự của Giấy phép kinh doanh theo thời gian cấp phép, do Cơ quan cấp Giấy phép ghi.

Ví dụ 1: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài A có trụ sở chính ở thành phố Hà Nội, có số GCNĐKDN là 0108008050. Đây là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên tại thành phố Hà Nội được cấp Giấy phép kinh doanh, số Giấy phép kinh doanh của Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài A sẽ là: 0108008050/KD-0001.

b) Số Giấy phép kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực được giữ nguyên trong trường hợp điều chỉnh Giấy phép kinh doanh và trường hợp cấp lại theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

c) Đối với các địa phương không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Cơ quan cấp Giấy phép tiếp tục ghi số tiếp nối theo thời gian cấp phép theo quy định của Nghị định này, bảo đảm tính liên tục, không bị trùng lặp với số của các Giấy phép kinh doanh đã được cấp.

d) Đối với các địa phương thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trường hợp cấp mới Giấy phép kinh doanh sau thời điểm Nghị định này có hiệu lực, Cơ quan cấp Giấy phép ghi số tiếp nối trên cơ sở số tổng của toàn bộ các Giấy phép kinh doanh đã được cấp trên địa bàn tỉnh, tính đến trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực; bảo đảm số Giấy phép kinh doanh được cấp mới theo quy định tại Nghị định này không trùng lặp với số của các Giấy phép kinh doanh đã được cấp.

Ví dụ 2: Tại địa bàn thành phố Hải Phòng, trước thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Hải Phòng đã cấp 100 Giấy phép kinh doanh. Từ thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đến trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Hải Phòng tiếp tục cấp thêm 20 Giấy phép kinh doanh. Như vậy, đến trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Hải Phòng đã cấp tổng cộng 120 Giấy phép kinh doanh.

Đến thời điểm thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Cơ quan cấp Giấy phép tỉnh Hải Dương đã cấp 30 Giấy phép kinh doanh. Như vậy, đến thời điểm trước khi Nghị định này có hiệu lực, tổng số Giấy phép kinh doanh đã được cấp trên địa bàn thành phố Hải Phòng là 150 Giấy phép kinh doanh. Do đó, sau khi Nghị định này có hiệu lực, Cơ quan cấp Giấy phép thành phố Hải Phòng sẽ ghi số của Giấy phép kinh doanh cấp mới đầu tiên theo quy định của Nghị định này là: "Số GCNĐKDN/KD-0151".

**2. Số Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

a) Cấu trúc: Số Giấy phép lập cơ sở bán lẻ có cấu trúc như sau: "Số GPKD/00.000", trong đó:

- Số "GPKD" là số Giấy phép kinh doanh

- 02 chữ số 00 đầu tiên là mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có cơ sở bán lẻ. Mã số tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép.

- 03 chữ số "000" tiếp theo: Từ 001 đến 999, là số thứ tự của cơ sở bán lẻ theo thời gian lập cơ sở bán lẻ, do tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài kê khai tại Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, được Cơ quan cấp Giấy phép ghi nhận tại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

Ví dụ 3: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài B có Giấy phép kinh doanh số: 0108008051/KD-0003, được Cơ quan cấp Giấy phép thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ thứ 5 tại thành phố Hải Phòng sẽ có số Giấy phép lập cơ sở bán lẻ là: 0108008051/KD-0003/31.005. Trong đó, "31" là mã số thành phố Hải Phòng theo quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam; "005" là số thứ tự của cơ sở bán lẻ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài B trên toàn quốc theo thông tin tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài B cung cấp tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

b) Số Giấy phép lập cơ sở bán lẻ của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực được giữ nguyên trong trường hợp cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

c) Đối với các địa phương không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Cơ quan cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ tiếp tục ghi số Giấy phép tiếp nối theo thời gian cấp phép theo quy định của Nghị định này, bảo đảm tính liên tục, không bị trùng lặp với số của các Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã được cấp.

d) Đối với các địa phương thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, khi đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ mới, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm thông báo tổng số cơ sở bán lẻ của mình trên toàn quốc tính đến thời điểm cấp phép, để Cơ quan cấp Giấy phép có cơ sở ghi số Giấy phép lập cơ sở bán lẻ mới, bảo đảm không trùng với các số Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Ví dụ 4: Trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài C (có số GPKD là 0108008052/KD-0004) có tổng số 05 cơ sở bán lẻ trên toàn quốc; trong đó: 01 cơ sở bán lẻ tại tỉnh Hưng Yên (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh), 02 cơ sở bán lẻ tại tỉnh Thái Bình (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh), 01 cơ sở bán lẻ tại Thành phố Hồ Chí Minh và 01 cơ sở bán lẻ tại thành phố Hà Nội. Sau khi Nghị định này có hiệu lực, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài C đăng ký lập mới cơ sở bán lẻ thứ 6 tại thành phố Đà Nẵng, Cơ quan cấp Giấy phép thành phố Đà Nẵng (sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) sẽ ghi số Giấy phép lập cơ sở bán lẻ mới là: "Số 0108008052/KD-0004/48.006". Trong đó, "48" là mã số thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

**II. Hướng dẫn cách ghi một số nội dung trên Giấy phép kinh doanh, Giấy phép lập cơ sở bán lẻ**

1. Cấp lần đầu Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ: Ghi ngày, tháng, năm cấp Giấy phép.

Ví dụ 5: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài D có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội. Cơ quan cấp Giấy phép cấp Giấy phép kinh doanh lần đầu cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài D vào ngày 01 tháng 10 năm 2026 sẽ ghi ngày, tháng, năm trên Giấy phép kinh doanh như sau:

*Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 10 năm 2026*

2. Cấp lại, điều chỉnh Giấy phép kinh doanh: Ghi số Giấy phép, ngày, tháng, năm của tất cả các lần cấp lại, điều chỉnh.

Ví dụ 6: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài E có Giấy phép kinh doanh số 0108008053/KD-0012 do Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2025.

Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài E chuyển trụ sở chính đến thành phố Đà Nẵng và được Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Đà Nẵng cấp lại Giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này vào ngày 01 tháng 10 năm 2026 với số thứ tự là 123.

Sau đó, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài E tiếp tục chuyển trụ sở chính đến thành phố Cần Thơ và được Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Cần Thơ cấp lại lần thứ hai Giấy phép kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này vào ngày 01 tháng 11 năm 2026 với số thứ tự là 456. Tiếp theo, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài E được Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Cần Thơ điều chỉnh Giấy phép kinh doanh vào ngày 15 tháng 12 năm 2026 và ngày 30 tháng 4 năm 2027. Cơ quan cấp Giấy phép thành phố Cần Thơ ghi số Giấy phép kinh doanh và ngày, tháng, năm trên Giấy phép kinh doanh của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài E khi điều chỉnh vào ngày 30 tháng 4 năm 2027 như sau:

**Số: 0108008053/KD-0456**

*Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 9 năm 2025*

*Cấp lại lần đầu: ngày 01 tháng 10 năm 2026*

*(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép kinh doanh số 0108008053/KD-0012 do Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 9 năm 2025).*

*Cấp lại lần thứ hai: ngày 01 tháng 11 năm 2026*

*(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép kinh doanh số 0108008053/KD-0123 do Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Đà Nẵng cấp lại lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2026).*

*Điều chỉnh lần đầu: ngày 15 tháng 12 năm 2026*

*Điều chỉnh lần thứ hai: ngày 30 tháng 4 năm 2027*

3. Cấp lại, điều chỉnh, gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ: Ghi ngày, tháng, năm của tất cả các lần cấp lại, điều chỉnh, gia hạn.

Ví dụ 7: *(Đối với các địa phương không thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh)*

Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài G (số GPKD là 0108008054/KD-0007) có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ do Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 6 năm 2025, điều chỉnh lần 1 ngày 10 tháng 8 năm 2025, cấp lại lần đầu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này ngày 01 tháng 10 năm 2025, điều chỉnh lần 2 ngày 20 tháng 10 năm 2026, gia hạn lần đầu ngày 30 tháng 5 năm 2030. Tại thời điểm gia hạn lần đầu Giấy phép lập cơ sở bán lẻ nêu trên của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài G, Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Hà Nội ghi ngày, tháng, năm trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ như sau:

**Số: 0108008054/KD-0007/01.010**

*Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 6 năm 2025*

*Điều chỉnh lần đầu: ngày 10 tháng 8 năm 2025*

*Cấp lại lần đầu: ngày 01 tháng 10 năm 2025*

*Điều chỉnh lần thứ hai: ngày 20 tháng 10 năm 2026*

*Gia hạn lần đầu: ngày 30 tháng 5 năm 2030*

Ví dụ 8: *(Đối với các địa phương thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh)*

Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài H (số GPKD là 0808008055/KD-0008) có Giấy phép lập cơ sở bán lẻ do Cơ quan cấp Giấy phép của tỉnh Hải Dương (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2025. Cơ quan cấp Giấy phép của tỉnh Hải Dương (trước khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) điều chỉnh lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2025. Cơ quan cấp Giấy phép thành phố Hải Phòng (sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh) cấp lại lần đầu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này ngày 01 tháng 10 năm 2025, điều chỉnh lần 2 ngày 20 tháng 10 năm 2026, gia hạn lần đầu ngày 30 tháng 5 năm

2030. Tại thời điểm điều chỉnh Giấy phép lập cơ sở bán lẻ nêu trên của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài H, Cơ quan cấp Giấy phép của thành phố Hải Phòng ghi ngày, tháng, năm trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ như sau:

**Số: 0808008055/KD-0008/08.010**

*Cấp lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2025*

*Điều chỉnh lần đầu: ngày 10 tháng 4 năm 2025*

*Cấp lại lần đầu: ngày 01 tháng 10 năm 2025*

*(Cấp lại trên cơ sở Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số GPKD/08.010 do Cơ quan cấp Giấy phép của tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2025 và điều chỉnh lần đầu ngày 10 tháng 4 năm 2025)*

*Điều chỉnh lần thứ hai: ngày 20 tháng 10 năm 2026*

*Gia hạn lần đầu: ngày 30 tháng 5 năm 2030*